

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP GIỚI TỬ TỖ KHEO - TỖ KHEO NI

I. LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT VÀ THÁNH CHÚNG

Câu 01: Sau thời gian tu khổ hạnh, Thái tử đã quyết định như thế nào?

- Thái tử đã từ bỏ lối tu khổ hạnh vì nó không đưa đến giải thoát. Ngài tìm lại hai vị thầy đã dạy mình trước kia để tu tập tiếp và cuối cùng đã thành tựu đạo quả.
- Thái tử tiếp tục kiên trì với pháp khổ hạnh và cuối cùng đã thành tựu đạo quả.
- Thái tử từ bỏ lối tu khổ hạnh, xa rời các cực đoan, ăn một ít thức ăn để lấy lại sức khỏe. Quyết tâm tinh tấn thiền định dưới cội Bồ-đề với lời thề rằng: “Nếu Ta không thành đạo thì dù thịt nát xương tan, Ta cũng quyết không đứng dậy khỏi chỗ này”. Cuối cùng sau 49 ngày đêm, Ngài chứng được đạo quả vô thượng Bồ-đề.
- Đáp án a, b và c đều sai.

Câu 02: Trở về thăm vua Tịnh-phạn lần cuối lúc vua đau nặng sắp băng hà, Đức Phật đã thuyết bài pháp có nội dung gì?

- Đức Phật thuyết về ‘Nhân Quả Nghiệp Báo’.
- Đức Phật thuyết về ‘Vô Thường, Khổ, Không, Vô Ngã’.
- Đức Phật thuyết về ‘Thập Nhị Nhân Duyên’.
- Đức Phật thuyết về ‘Tứ Diệu Đế’.

Câu 03: Ai là người cúng dường Kỳ Viên tịnh xá cho Đức Phật và Tăng chúng?

- Vua Tần-bà-sa-la.
- Vua Tịnh-phạn.
- Thái tử Kỳ-đà và ông Cấp-cô-độc.
- Thái tử A-xà-thế.

Câu 04: Vì sao đã thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà Đức Phật vẫn thường hay tọa thiền?

- Đức Phật thường tọa thiền để tự điều thân.
- Đức Phật muốn nhắc nhở hàng đệ tử về sau thường tinh tấn tọa thiền.
- Vì ba đời chư Phật đều do pháp môn Thiền Định mà được thành đạo.
- Tất cả đáp án trên.

Câu 05: Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, ai triệu tập hội nghị kết tập kinh điển lần thứ I?

- Tôn giả A-nan.
- Tôn giả Đại-ca-diếp.
- Tôn giả Ca-chiên-diên.
- Tập thể giáo đoàn lãnh đạo.

Câu 06: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, điền từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thiện các mốc thời gian liên quan đến lịch sử Đức Phật.

Thái tử Tất-đạt-đa đản sanh vào ngày...(1)... dưới cội cây Vô ưu tại vườn Lâm-tỳ-ni. Thái tử xuất gia vào ngày ...(2)... khi ngài mới 19 tuổi. Sau 5 năm tầm học các đạo, 6 năm khổ hạnh rừng già đều không thành công, Ngài quyết định từ bỏ lối tu khổ hạnh, chọn lối tu trung đạo. Cuối cùng, với quyết tâm và ý chí mãnh liệt, sau 49 ngày đêm thiền định dưới cội Bồ-đề, Ngài đã thành tựu đạo quả Vô thượng Bồ-đề. Lúc đó nhằm ngày ...(3)..., khi đó Ngài được 30 tuổi.

Từ khi thành đạo dưới cội Bồ-đề, trải qua thời gian hơn 49 năm, Đức Phật đã đi khắp xứ Ấn Độ rộng lớn bao la để truyền bá chánh pháp. Sự hóa độ viên mãn, Ngài nhập Niết-bàn vào ngày ...(4)... trong rừng cây Ta la (Song thọ). Khi ấy Ngài được 80 tuổi.

- (1) mồng 8/4 âm lịch; (2) mồng 8/2 âm lịch; (3) mồng 8 tháng chạp; (4) rằm tháng 2.

- b. (1) rằm tháng 4; (2) mồng 8/2 âm lịch; (3) rằm tháng chạp; (4) rằm tháng 2.
 c. (1) mồng 8/4 âm lịch; (2) rằm tháng 2; (3) mồng 8 tháng chạp; (4) rằm tháng 2.
 d. (1) rằm tháng 4; (2) rằm tháng 2; (3) mồng 8 tháng chạp; (4) mồng 8/2 âm lịch.

Câu 07: Ai là người trùng tuyên tạng Kinh, ai là người trùng tuyên tạng Luật trong kỳ kiết tập kinh điển lần thứ nhất?

- a. Tôn giả Đại-ca-diếp trùng tuyên tạng Kinh và Tôn giả Ưu-ba-ly trùng tuyên tạng Luật.
 b. Tôn giả A-nan trùng tuyên tạng Kinh và Tôn giả Ưu-ba-ly trùng tuyên tạng Luật.
 c. Tôn giả Xá-lợi-phất trùng tuyên tạng Kinh và Tôn giả Ưu-ba-ly trùng tuyên tạng Luật.
 d. Tôn giả Ưu-ba-ly trùng tuyên tạng Kinh và Tôn giả A-nan trùng tuyên tạng Luật.

Câu 08: Pháp quán Tứ niệm xứ gồm:

- a. Quán thân, quán tâm, quán pháp, quán thọ.
 b. Quán thân vô ngã, quán tâm vô niệm, quán pháp vô cùng, quán thọ là khổ.
 c. Quán thân bất thường, quán tâm bất biến, quán pháp vô ngã, quán thọ là khổ.
 d. Quán thân bất tịnh, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã, quán thọ là khổ.

Câu 09: Trong 49 năm giáo hóa, những bài Kinh Đức Phật nói ra về sau được các đệ tử kiết tập chia làm bao nhiêu thời, gồm những gì?

- a. 02 thời gồm: Tiểu thừa và Đại thừa.
 b. 03 thời gồm: Tiểu thừa, Đại thừa và Tối thượng thừa.
 c. 04 thời gồm: Hoa Nghiêm; A Hàm; Bát Nhã; Pháp Hoa và Niết-bàn.
 d. 05 thời gồm: Hoa Nghiêm; A Hàm; Phương Đẳng; Bát Nhã; Pháp Hoa và Niết-bàn.

Câu 10: Câu nói thể hiện tinh thần hóa độ bình đẳng của Đức Phật là gì?

- a. “Không có giai cấp trong dòng máu cùng đỏ, trong nước mắt cùng mặn. Mỗi người sanh ra đều có Phật tánh và có thể thành Phật”.
 b. “Người hèn hạ mà biết phát tâm Bồ-đề, xuất gia tu hành, chứng được quả Thánh, thì quý báu vô cùng, chẳng khác gì hoa sen mọc ở bùn lầy như bần mà vẫn tinh khiết thơm tho”.
 c. “Một người sanh ra không phải liền thành Bà-la-môn (giai cấp trên hết) hay Chiên-đà-la (giai cấp thấp nhất), mà chính vì sở hành của người ấy, tạo thành Chiên-đà-la hay Bà-la-môn”.
 d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 11: Trước khi quyết định xuất gia, Thái tử Tất-đạt-đa đã gặp ai ở cửa Bắc của thành Ca-tỳ-la-vệ?

- a. Ông già tóc bạc, răng rụng, mắt lờ, tai điếc, lưng còng.
 b. Người bệnh khóc than rên siết, đau đớn.
 c. Cây chết nằm giữa đường bị côn trùng bu bám.
 d. Vị tu sĩ tướng mạo nghiêm trang, điềm tĩnh, thản nhiên.

Câu 12: Thái tử đã trình lên vua cha điều gì nếu vua làm được thì thái tử sẽ không xuất gia?

- a. Trẻ mãi không già, vàng nhiều không hết, sống mãi không chết, không còn khổ đau.
 b. Trẻ mãi không già, mạnh hoài không đau, danh tiếng muôn đời, quyền uy tối thượng.
 c. Trẻ mãi không già, mạnh hoài không đau, sống mãi không chết, không còn khổ đau.
 d. Trẻ mãi không già, mạnh hoài không đau, sống mãi không chết, quyền uy tối thượng.

Câu 13: Ai là người cúng dường Đức Thế Tôn bữa ăn đầu tiên trước khi Ngài thành đạo?

- a. Trưởng giả Cấp-cô-độc.
- b. Nàng Tu-xà-đề.
- c. Thái tử Kỳ-đà.
- d. Vua Tần-bà-sa-la.

Câu 14: Đức Phật thuyết pháp độ năm anh em Kiều-trần-như tại đâu?

- a. Vườn Lâm-tỳ-ni.
- b. Vườn Lộc Uyển.
- c. Bên dòng sông Ni-liên-thiền.
- d. Núi Linh Thứu.

Câu 15: Đức Phật Chuyển pháp luân với bài pháp đầu tiên có nội dung là gì?

- a. Tứ Diệu Đế.
- b. Tứ Chánh Cần.
- c. Tứ Vô Lượng Tâm.
- d. Tứ Như Ý Túc.

Câu 16: Nữ cư sĩ hộ pháp đặc lực thời đức Phật là ai?

- a. Phu nhân Thắng Man
- b. Nàng Tu-xà-đề
- c. Bà Tỳ-xá-khư
- d. Hoàng hậu Mạt-lợi

Câu 17: Vị trưởng giả giàu có là cư sĩ hộ pháp đặc lực cho Tăng đoàn thời đức Phật, thường xuyên cứu giúp người nghèo khổ, cô độc, có tên là gì?

- a. Vua A-xà-thế
- b. Cấp-cô-độc
- c. Vua Ba-tư-nặc
- d. Thái tử Kỳ-đà

Câu 18: Ai là người thừa thỉnh Đức Phật dạy pháp hàng phục tâm, an trụ tâm trong kinh Kim Cang? (Theo ‘Phật học Phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, quyển 3).

- a. Tôn giả A-nan
- b. Tôn giả Tu-bồ-đề
- c. Tôn giả Phú-lâu-na
- d. Tôn giả La-hầu-la

Câu 19: Trong hàng đệ tử Phật, vị nào được tôn xưng là “Trì luật đệ nhất”?

- a. Tôn giả A-nan.
- b. Tôn giả Đại-ca-diếp.
- c. Tôn giả Ưu-ba-ly.
- d. Tôn giả La-hầu-la.

Câu 20: Lời dạy sau cùng của Đức Phật trước khi Ngài nhập Niết-bàn là gì?

- a. “Tỳ kheo các ông! Sau khi Ta nhập diệt, phải tôn trọng quý kính giới luật, như đêm tối gặp được ánh sáng, như người nghèo gặp được của báu. Phải biết giới luật là Thầy của các ông, dù Ta có trụ ở đời cũng không khác giới luật này vậy”.
- b. “Này! Các người phải tự thắp đuốc lên mà đi! Các người hãy lấy Pháp của Ta làm đuốc! Hãy theo Pháp của Ta mà tự giải thoát! Đừng tìm sự giải thoát ở một kẻ nào khác, đừng tìm sự giải thoát ở một nơi nào khác, ngoài các người!...”.
- c. “Này! Các người đừng vì dục vọng mà quên lời Ta dạy. Mọi vật ở đời không có gì quý giá. Thân thể rồi sẽ tan rã. Chỉ có đạo Ta là quý báu. Chỉ có Chân lý của đạo Ta là bất di, bất dịch. Hãy tinh tấn lên để giải thoát, hỡi các người rất thân yêu của Ta!”.
- d. Tất cả đáp án trên.

Câu 21: Ngũ căn gồm có:

- a. Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.
- b. Tấn căn, tấn lực, niệm căn, niệm lực, huệ lực.
- c. Tín căn, tín lực, niệm căn, niệm lực, huệ căn.
- d. Tín, tấn, niệm, định, huệ.

Câu 22: Theo ‘Phật học Phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, vì sao phải hàng phục tâm tán loạn?

- a. Tâm tán loạn là tâm sinh diệt, khiến chúng sinh đi trong luân hồi sinh tử.
- b. Tâm không an định thì trí tuệ không phát khởi.
- c. Tâm tán loạn là nguyên nhân đưa đến khổ đau, bị các pháp chi phối.
- d. Tất cả đáp án trên.

Câu 23: Ai là người lãnh đạo Ni đoàn thời đức Phật còn tại thế?

- a. Tỳ-kheo ni Đại Ái Đạo.
- b. Tỳ-kheo ni Liên Hoa Sắc.
- c. Tỳ-kheo ni Da-du-đà-la
- d. Tỳ-kheo ni Khema.

Câu 24: Đức Phật chấp thuận cho nữ giới xuất gia với điều kiện gì?

- a. Thực hành Lục hòa kính.
- b. Thực hành Bát chánh đạo.
- c. Thực hành Bát kính pháp.
- d. Thực hành Lục độ.

Câu 25: Theo ‘Phật học Phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, Tâm vô lượng là gì?

- a. Là tâm vô cùng rộng lớn, thoát ra khỏi sự ràng buộc của các thứ phiền não đê hèn của phàm phu, phá vỡ được các thứ quan niệm chấp trước hẹp hòi của Nhị thừa.
- b. Là tâm có một vùng thương yêu rộng lớn có thể bao trùm đến vô lượng chúng sinh, và tìm phương cứu cho tất cả.
- c. Tâm vô lượng cũng có nghĩa là “Đẳng tâm”, cái tâm bình đẳng, phổ biến; bình đẳng, vì tâm này chỉ tự nhiên, không phân biệt so đo thấp cao, hơn kém; phổ biến, bởi nó trang trải mọi nơi chẳng khu biệt, giới hạn.
- d. Tất cả các ý trên.

Câu 26: Kỳ kiết tập kinh điển lần thứ 4 diễn ra khi nào? Ai làm chủ tọa?

- a. Vào khoảng 600 năm sau khi Phật nhập diệt, Vua Ca Nị Sắc Ca đã triệu tập 500 vị Bồ-tát, 500 vị Tỳ-kheo cùng 500 người tại gia cư sĩ, tại thành Ca Thập Di La, do hai Ngài Hiếp Tôn Giả và Thế Hữu là chủ tọa.
- b. Hơn hai thế kỷ sau ngày Phật nhập diệt, Hoàng Đế A Dục triệu tập 1000 vị Đại trưởng lão uyên thâm để kiết tập kinh điển tại thành Pataliputra, dưới quyền chủ tọa của Ngài Mục Kiền Liên Tu Đế.
- c. Vào khoảng 300 năm sau khi Phật nhập diệt, Vua A Dục đã triệu tập 500 vị Bồ-tát, 500 vị Tỳ-kheo cùng 500 người tại gia cư sĩ, tại thành Ca Thập Di La, do hai Ngài Hiếp Tôn Giả và Thế Hữu là chủ tọa.
- d. Khoảng 100 năm sau khi Phật nhập diệt, do sự triệu tập của Trưởng lão Yasa, gồm có 12.000 Tăng sĩ. Hội nghị này họp dưới quyền chủ tọa của Ngài Revala.

Câu 27: Theo ‘Phật học Phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, kinh giáo mà đức Phật đã giảng nói trong suốt 49 năm được chia làm mấy thời? Kể tên?

- a. Chia làm ba thời: Thời thứ nhất Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, thời thứ hai Phật nói Kinh A-Hàm, thời thứ ba Phật nói Kinh Phương Đẳng.
- b. Chia làm bốn thời: Thời thứ nhất Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, thời thứ hai Phật nói Kinh A-Hàm, thời thứ ba Phật nói Kinh Phương Đẳng, thời thứ tư Phật nói Kinh Bát Nhã.
- c. Chia làm năm thời: Thời thứ nhất Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, thời thứ hai Phật nói Kinh A-Hàm, thời thứ ba Phật nói Kinh Phương Đẳng, thời thứ tư Phật nói Kinh Bát Nhã, thời thứ năm Phật nói Kinh Pháp Hoa và Niết Bàn.
- d. Chia làm sáu thời: Thời thứ nhất Phật nói Kinh Hoa Nghiêm, thời thứ hai Phật nói Kinh A-Hàm, thời thứ ba Phật nói Kinh Phương Đẳng, thời thứ tư Phật nói Kinh Bát Nhã, thời thứ năm Phật nói Kinh Pháp Hoa, thời thứ sáu Phật nói Kinh Niết Bàn.

Câu 28: Theo ‘Phật học Phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, Kim quan đức Thế Tôn lưu lại mấy ngày mới trà tỳ? Vì sao?

- Kim quan đức Thế Tôn lưu lại 10 ngày mới trà tỳ, vì đội tôn giả Đại Ca-diếp đang du hóa ở phương xa trở về.
- Kim quan đức Thế Tôn lưu lại 7 ngày mới trà tỳ, vì đội tôn giả Phú-lâu-na đang du hóa ở phương xa trở về.
- Kim quan đức Thế Tôn lưu lại 7 ngày mới trà tỳ, vì đội tôn giả Đại Ca-diếp đang du hóa ở phương xa trở về.
- Kim quan đức Thế Tôn lưu lại 21 ngày mới trà tỳ, vì đội tôn giả Đại Ca-diếp đang du hóa ở phương xa trở về.

Câu 29: Kể tên những vị đệ tử xuất gia đầu tiên của đức Phật?

- Những vị đệ tử xuất gia đầu tiên của đức Phật là năm anh em Kiều-trần-như: Kiều-trần-như, Thiện-bệ, Bạt-đề, Thập-lực-ca-diếp và Ma-ha-ca-diếp.
- Những vị đệ tử xuất gia đầu tiên của đức Phật là năm anh em Kiều-trần-như. Tên của các vị đó là: Kiều-trần-như, Ác-bệ, Bạt-đề, Thập-lực-ca-diếp và Ma-ha-nam.
- Những vị đệ tử xuất gia đầu tiên của đức Phật là năm anh em Kiều-trần-như: Kiều-trần-na, Ác-bệ, Bạt-đề, Thập-lực-ca-diếp và A-nan-da.
- Những vị đệ tử xuất gia đầu tiên của đức Phật là năm anh em Kiều-trần-như: Kiều-phạm-ba-đề, Ác-bệ, Bạt-đề, Thập-lực-ca-diếp và Ma-ha-nam.

Câu 30: Theo ‘Phật học Phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, trước khi đức Phật nhập Niết-bàn, Ngài đã phó chúc cho đệ tử những việc gì?

- Y bát truyền cho ông Ma Ha Ca Diếp; Các đệ tử phải lấy giới luật làm thầy; Ở đầu các Kinh, phải nêu lên 4 chữ “Như thị ngã văn”.
- Y bát truyền cho ông Ma Ha Ca Diếp; Các đệ tử phải lấy giới luật làm thầy; Ở đầu các Kinh, phải nêu lên 4 chữ “Như thị ngã văn”; Xá lợi của Ngài sẽ chia làm ba phần: Một phần cho Thiên cung, một phần cho Long cung, một phần chia cho tám vị Quốc vương ở Ấn Độ.
- Các đệ tử phải lấy giới luật làm thầy; Ở đầu các Kinh, phải nêu lên 4 chữ “Như thị ngã văn”.
- Ở đầu các Kinh, phải nêu lên 4 chữ “Như thị ngã văn”; Xá lợi của Ngài sẽ chia làm ba phần: Một phần cho Thiên cung, một phần cho Long cung, một phần chia cho tám vị Quốc vương ở Ấn Độ.

II. GIÁO LÝ

Câu 01: ‘Bát khổ’ trong ‘Khổ đế’ gồm những gì?

- Khổ khổ, hoại khổ, hành khổ, sanh khổ, sống khổ, già khổ, bệnh khổ và tử khổ.
- Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ và ngũ ấm xí thành khổ.
- Sanh khổ, sống khổ, già khổ, bệnh khổ, ái biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ, oán tắng hội khổ và ngũ ấm xí thành khổ.
- Đáp án a, b và c đúng.

Câu 02: Biết rõ ‘Khổ đế’ thì đạt được ích lợi gì?

- Sống bình thường qua ngày, tới đâu hay tới đấy.
- Tranh thủ hưởng thụ lúc còn trẻ.

- c. Sống bi quan, chán nản, xa lánh cuộc đời.
- d. Gặp cảnh khổ, không khiếp sợ. Không tham cầu, ít bị hoàn cảnh chi phối. Đồng thời gắng sức tu hành để thoát khổ.

Câu 03: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, ‘Tập đế’ có nghĩa là gì?

- a. Là con đường đưa đến đoạn tận khổ đau cho chúng sanh.
- b. Là nguyên nhân của những nỗi khổ đã chứa nhóm, tích trữ lâu đời, lâu kiếp. Là nguyên nhân sanh tử, luân hồi.
- c. Là hoàn cảnh tốt đẹp mà con người có thể đạt được khi đã diệt hết mọi phiền não, mê mờ.
- d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 04: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, ‘Căn bản phiền não’ gồm những gì?

- a. Gồm 06 món là: Than, sân, si, hôn trầm, trạo cử, hối quá.
- b. Gồm 10 món là: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến.
- c. Gồm 06 món là: Tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến.
- d. Gồm 10 món là: Tham, sân, si, hôn trầm, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến.

Câu 05: ‘Tứ đế’ hay còn gọi là ‘Tứ diệu đế’ bao gồm những gì (liệt kê theo đúng thứ tự)?

- a. Chân đế, Tục đế, Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế.
- b. Tục đế, Chân đế, Thế đế, Đệ nhất nghĩa đế.
- c. Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế.
- d. Khổ đế, Tập đế, Đạo đế, Diệt đế.

Câu 06: Trong ‘Tứ diệu đế’, đâu là nhân và quả thuộc thế gian, đâu là nhân và quả thuộc xuất thế gian?

- a. Chân đế và Tục đế tương ứng là nhân và quả thế gian; Thế đế và Đệ nhất nghĩa đế tương ứng là nhân và quả xuất thế gian.
- b. Khổ đế và Tập đế tương ứng là nhân và quả thế gian; Diệt đế và Đạo đế tương ứng là nhân và quả xuất thế gian.
- c. Tập đế và Khổ đế tương ứng là nhân và quả thế gian; Đạo đế và Diệt đế tương ứng là nhân và quả xuất thế gian.
- d. Tục đế và Chân đế tương ứng là nhân và quả thế gian; Đệ nhất nghĩa đế và Thế đế tương ứng là nhân và quả xuất thế gian.

Câu 07: Vì sao Đức Phật nói ‘Khổ đế’ trước và ‘Tập đế’ sau?

- a. Chỉ là một sự ngẫu nhiên, không có tính trước, thuận duyên cái nào thì nói cái đó trước.
- b. Đức Phật muốn nhấn mạnh ‘Khổ đế’ trước để chúng sanh ý thức sâu sắc những nỗi khổ ở thế gian. Từ đó mới có động lực thôi thúc lắng nghe nguyên nhân cũng như con đường thoát khổ.
- c. Chúng sanh mê mờ, ở trong khổ mà không nhận ra, nhiều khi còn cho cảnh giới này là vui thú. Cho nên, nếu nói nguyên nhân của khổ trước thì chúng sanh không muốn nghe.
- d. Đáp án b và c đúng.

Câu 08: Trong ‘Tứ diệu đế’, 37 phẩm trợ đạo nằm ở phần nào, bao gồm những gì?

- a. Thuộc Đạo đế, gồm: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo.
- b. Thuộc Diệt đế, gồm: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ vô lượng tâm, ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo.

c. Thuộc Diệt đế, gồm: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ như ý túc, ngũ căn, ngũ lực, thất thánh tài, bát chánh đạo.

d. Thuộc Đạo đế, gồm: Tứ niệm xứ, tứ chánh cần, tứ nhiếp pháp, ngũ căn, ngũ lực, thất thánh tài, bát chánh đạo.

Câu 09: Trong các món ‘Căn bản phiền não’, biểu hiện của ‘Thân kiến’ là gì?

a. Chấp thân ngũ ấm tứ đại giả hợp là thật.

b. Thấy cái “ta” riêng biệt, chắc thật, không biến đổi.

c. Lo tô bồi, góp nhặt, phục vụ cho cái “ta”, chà đạp lên bao nhiêu cái ta khác.

d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 10: Tứ nhiếp pháp gồm:

a. Bố thí nhiếp, lợi tha nhiếp, tỳ lợi nhiếp, thiện định nhiếp.

b. Ái ngữ nhiếp, tinh tấn nhiếp, bố thí nhiếp, trì giới nhiếp.

c. Bố thí nhiếp, ái ngữ nhiếp, lợi hành nhiếp, lợi tha nhiếp.

d. Bố thí nhiếp, ái ngữ nhiếp, lợi hành nhiếp, đồng sự nhiếp.

Câu 11: Trong 37 phẩm trợ đạo, ‘Tứ chánh cần’ nói về điều gì?

a. Siêng năng làm việc lành, siêng năng trừ việc ác, siêng năng bố thí cúng dường, siêng năng thực hành phóng sanh.

b. Việc ác chưa phát sinh tinh tấn ngăn ngừa, việc ác đã làm tinh tấn dứt trừ, việc lành chưa làm tinh tấn làm, việc lành đã làm tinh tấn tiếp tục phát triển.

c. Siêng năng tụng kinh, siêng năng ngồi thiền, siêng năng sám hối, siêng năng học giáo lý.

d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 12: ‘Tứ Như Ý Túc’ nằm trong chi phần nào của ‘Tứ diệu đế’, bao gồm những gì?

a. Thuộc Đạo Đế, gồm: dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, nhất tâm như ý túc, quán như ý túc.

b. Thuộc Diệt Đế, gồm: dục như ý túc, tinh tấn như ý túc, nhất tâm như ý túc, quán như ý túc.

c. Thuộc Diệt Đế, gồm: dục như ý túc, định như ý túc, nhất tâm như ý túc, quán như ý túc.

d. Thuộc Đạo Đế, gồm: dục như ý túc, định như ý túc, nhất tâm như ý túc, quán như ý túc.

Câu 13: Trong ‘Tứ diệu đế’, ‘Ngũ căn’ thuộc chi phần nào, bao gồm những gì?

a. Thuộc Diệt Đế, gồm: Sắc căn, thọ căn, tưởng căn, hành căn, thức căn.

b. Thuộc Diệt Đế, gồm: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.

c. Thuộc Đạo Đế, gồm: Sắc căn, thọ căn, tưởng căn, hành căn, thức căn.

d. Thuộc Đạo Đế, gồm: Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn.

Câu 14: ‘Thất bồ đề phần’ còn có tên gọi là gì, bao gồm những gì?

a. Còn gọi là ‘Thất thánh tài’ gồm có : tín, văn, giới, tà, quý, huệ, xả.

b. Còn gọi là ‘Thất giác chi’ gồm có: Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, xả.

c. Còn gọi là ‘Thất thánh tài’ gồm có : tín, văn, giới, tà, quý, định, huệ.

d. Còn gọi là ‘Thất giác chi’ gồm có: Trạch pháp, tinh tấn, hỷ, khinh an, niệm, định, huệ.

Câu 15: Ngũ quán gồm những gì?

- a. Nhứt kế công đa thiếu, lượng bỉ lai xứ; Nhị thốn kỷ đức hạnh toàn khuyết ứng cúng; Tam phòng tâm ly quá, tham đặng vi tông; Tứ chánh sự lương dục, vị liệu hình khô; Ngũ vị thành đạo nghiệp, phương thọ thử thực.
- b. Nhứt quán tâm vô thường; Nhị quán pháp vô ngã; Tam công đức thọ dụng thức ăn; Tứ quán thức ăn là thuốc trị bệnh; Ngũ quán dùng thức ăn vì thành đạo.
- c. Nhứt quán nhân duyên; Nhị quán giới phân biệt; Tam quán số tức; Tứ quán bất tịnh; Ngũ quán từ bi.
- d. Tất cả đáp án đều sai.

Câu 16: Tam Đề gồm những gì?

- a. Nguyên đoạn tất cả phiền não. Nguyên tu tất cả giới. Nguyên độ tất cả chúng sanh.
- b. Nguyên đoạn tất cả điều ác. Nguyên tu tất cả điều lành. Nguyên độ tất cả chúng sanh.
- c. Nguyên đoạn tất cả điều ác. Nguyên tu giới định tuệ. Nguyên độ tất cả chúng sanh.
- d. Nguyên đoạn tất cả phiền não. Nguyên tu lục độ vạn hạnh. Nguyên độ tất cả chúng sanh.

Câu 17: Thế nào là Bồ thí Ba-la-mật?

- a. Bồ thí để cầu phước báu nhân thiên.
- b. Bồ thí vì muốn được nổi tiếng.
- c. Bồ thí để được mọi người biết là mình có tấm lòng nhân hậu.
- d. Bồ thí không chấp mình là người cho, kia là người nhận và có vật để bố thí. Tức bố thí đạt đến ‘tam luân không tịch’.

Câu 18: Pháp ‘Quán số tức’ là gì, mục đích của pháp quán này là gì?

- a. Tập trung tâm trí, theo dõi hơi thở ra vào, mục đích đình chỉ tâm tán loạn.
- b. Tập trung tâm trí, đếm hơi thở ra vào, mục đích đình chỉ tâm tán loạn.
- c. Tập trung tâm trí, điều khiển hơi thở ra vào, mục đích đình chỉ tâm tán loạn.
- d. Tập trung tâm trí, đếm hơi thở ra vào, mục đích luyện hơi thở cho dài lâu.

Câu 19: ‘Lục độ’ bao gồm những phần nào?

- a. Phật, Pháp, Tăng, Giới, Định, Tuệ.
- b. Bồ Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ.
- c. Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ, Giải Thoát.
- d. Từ Bi, Trí Tuệ, Nhẫn Nhục, Thiền Định, Giác Ngộ, Giải Thoát.

Câu 20: Sau khi nghe Đức Phật thuyết pháp về thân bất tịnh, 50 vị Tỳ kheo đã tự hủy hoại thân này, làm như thế là không đúng, vì sao?

- a. Làm như vậy là chưa hiểu mục đích lời dạy của Đức Phật, đã xét đoán một cách nông nổi, máy móc, thiếu trí tuệ.
- b. Đức Phật thường dạy: “Mỗi chúng sinh đều có Phật tánh”. Không nên lìa bỏ thân này để tìm Phật tánh ở nơi nào khác.
- c. Biết lợi dụng cái thân bất tịnh này để nhận lại Phật tánh bất sinh bất diệt chính là bản ý của Đức Phật.
- d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 21: Kể tên 12 nhân duyên theo đúng thứ tự?

- a. Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, sanh, lão, bệnh, tử.

- b. Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục căn, lục trần, lục thức, xúc, sanh, lão, bệnh, tử.
- c. Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, lão tử.
- d. Vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, sanh, lão, tử.

Câu 22: Trong các món ‘Căn bản phiền não’, ‘Giới cấm thủ’ nghĩa là gì?

- a. Chấp theo lối tà, không chơn chánh, chấp một bên, nghiêng về một phía.
- b. Không giữ gìn các điều giới cấm.
- c. Làm theo lời răn cấm của ngoại đạo tà giáo, những điều vô lý, mê muội không đưa đến giải thoát.
- d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 23: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, thế nào là ‘Vô trụ xứ Niết-bàn’?

- a. Là Niết-bàn của các vị Bồ-tát. Tu hành chứng theo tự tánh bình đẳng, đem tâm hòa đồng cùng sự vật mà làm việc lợi tha.
- b. Tuy làm việc lợi tha, mà vẫn ở trong chánh quán. Quán các phép như huyễn hóa, không có thật sanh tử, không có thật Niết-bàn, không bao giờ trụ trước.
- c. Bồ-tát thường ra vào sanh tử lấy pháp lục độ để độ sanh mà vẫn ở trong Niết-bàn tự tại.
- d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 24: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, thế nào là ‘Tánh tịnh Niết-bàn’?

- a. Là Niết-bàn tự tánh, thường vắng lặng mà sáng suốt.
- b. Chư Phật cùng chúng sanh đều có cùng tự tánh thanh tịnh sáng suốt đó.
- c. Trong kinh có khi gọi là Phật tánh, là Chơn tâm, là Như Lai tạng,... Nếu chúng sanh tự tin mình có tánh Niết-bàn thanh tịnh và khởi tâm tu hành theo tự tánh ấy, tức có thể thành Phật không sai.
- d. Đáp án a, b và c đúng.

Câu 25: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, trong 37 phẩm trợ đạo, ‘Tứ niệm xứ’ trình bày điều gì?

- a. Quán giới, quán định, quán tuệ, quán nhân duyên.
- b. Quán thân, quán tâm, quán thế giới, quán vũ trụ.
- c. Quán thân bất tịnh, quán thọ thị khổ, quán tâm vô thường, quán pháp vô ngã.
- d. Quán Phật, quán Pháp, quán Tăng, quán Giới.

Câu 26: Xuất gia có mấy nghĩa?

- a. Xuất thế tục gia; Xuất phiền não gia; Xuất tam giới gia.
- b. Xuất tham gia; Xuất sân gia; Xuất si gia.
- c. Xuất thế tục gia; Xuất ngũ dục gia; Xuất tam giới gia.
- d. Xuất thế tục gia; Xuất phiền não gia; Xuất hỏa trạch gia.

Câu 27: Tam pháp ấn là gì? Kể tên?

- a. Tam pháp ấn là ba khuôn dấu dùng để nhận biết đâu là chánh pháp Phật dạy. Tam pháp ấn gồm: Không sinh không diệt, không như không sạch, không thêm không bớt.
- b. Tam pháp ấn là ba khuôn dấu dùng để nhận biết đâu là chánh pháp Phật dạy. Tam pháp ấn gồm: Vô thường, Khổ, Vô ngã.
- c. Tam pháp ấn là ba khuôn dấu dùng để nhận biết đâu là chánh pháp Phật dạy. Tam pháp ấn gồm: Vô thường, nhân quả, nghiệp báo.

d. Tam pháp ấn là ba khuôn dấu dùng để nhận biết đâu là chánh pháp Phật dạy. Tam pháp ấn gồm: Không, Khổ, Vô ngã.

Câu 28: Năm đức của người xuất gia là gì?

a. Phát tâm xuất gia, vì tránh ngoại duyên. Bỏ hình tướng đẹp, vì không phù hợp với áo hoại sắc. Cắt đứt ái luyến, vì không muốn ràng buộc. Xả bỏ thân mạng, vì lợi dưỡng. Chí cầu Đại thừa, vì giải thoát cho chính mình.

b. Phát tâm xuất gia, vì thất tình trốn nợ. Bỏ hình tướng đẹp, vì muốn tránh duyên. Cắt đứt ái luyến, vì không có thân sơ. Xả bỏ thân mạng, vì công danh sự nghiệp. Chí cầu Đại thừa, vì tự độ cho mình.

c. Phát tâm xuất gia, vì rèn luyện bản thân. Bỏ hình tướng đẹp, vì thích ứng môi trường. Cắt đứt ái luyến, vì không còn người thân. Xả bỏ thân mạng, vì tôn sùng Phật pháp. Chí cầu Đại thừa, vì hóa độ chúng sanh.

d. Phát tâm xuất gia, vì ôm lòng mộ đạo. Bỏ hình tướng đẹp, vì thích ứng pháp y. Cắt đứt ái luyến, vì không có thân sơ. Xả bỏ thân mạng, vì tôn sùng Phật pháp. Chí cầu Đại thừa, vì hóa độ chúng sanh.

Câu 29: Theo ‘Phật học phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, Niết-bàn được chia thành mấy loại?

a. Gồm 2 loại: Hữu dư y Niết-bàn, Vô dư y Niết-bàn.

b. Gồm 3 loại: Niết-bàn của Thanh văn, Niết-bàn của Bồ-tát và Niết-bàn của Phật.

c. Gồm 4 loại: Hữu dư y Niết-bàn, Vô dư y Niết-bàn, Vô trụ xứ Niết-bàn, Tánh tịnh Niết-bàn.

d. Gồm 4 loại: Hữu dư y Niết-bàn, Vô dư y Niết-bàn, Vô tâm Niết-bàn, Như Lai Niết-bàn.

Câu 30: Theo ‘Phật học Phổ thông’ của HT. Thiện Hoa, Ngũ minh là gì? Kể tên?

a. Ngũ minh là năm kiến thức mà một vị Bồ-tát vào đời độ sinh cần phải có, phải hiểu biết. Gồm có: Nội minh, Ngoại minh, Thanh minh, kỹ xảo minh và Y phương minh.

b. Ngũ minh là năm kiến thức người hoằng pháp cần phải có, phải hiểu biết. Gồm có: Nội minh, Nhân minh, Thanh minh, Công xảo minh và Y phương minh.

c. Ngũ minh là năm loại ánh sáng. Gồm có: Đạo minh, Trí minh, Tâm minh, Định minh và Chân như minh.

d. Tất cả đáp án đều sai.

III. LUẬT

- Học thuộc 04 cuốn *Luật Trường hàng*.

IV. HIẾN CHƯƠNG GIÁO HỘI - NỘI QUY BAN TĂNG SỰ TRUNG ƯƠNG

Câu 01: Tôn chỉ của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là gì?

a. Là công bằng xã hội, phục vụ dân tộc, Tổ quốc.

b. Là hòa hợp chúng, hòa bình và công bằng xã hội, nhằm phục vụ dân tộc, Tổ quốc, nhân loại và tất cả chúng sinh.

d. Lấy Đạo pháp làm mục tiêu tối thượng, phụng hành giáo pháp, giới luật Phật chế và tuân thủ pháp luật Nhà nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

d. Là lý tưởng giác ngộ chân lý, hòa hợp chúng, hòa bình và công bằng xã hội của giáo lý Đức Phật, nhằm phục vụ dân tộc, Tổ quốc, nhân loại và tất cả chúng sinh.

Câu 02: Nội dung của điều 42, chương IX, Quy chế Ban Tăng sự Trung ương GHPGVN nhiệm kỳ IX (2022-2027) qui định những điều gì?

- a. Qui định về những tiêu chuẩn giới tử được tuyển chọn thụ giới Tỳ kheo và Tỳ kheo Ni.
- b. Qui định về thủ tục đăng ký Đại giới đàn.
- c. Qui định về tiêu chuẩn giới tử được tuyển chọn thụ giới Thức xoa Ma na.
- d. Qui định về những cấp chứng điệp thụ giới.

Câu 03: Cơ quan lãnh đạo cao nhất của GHPGVN giữa hai kỳ Đại hội là:

- a. Ban Tăng sự Trung ương.
- b. Hội đồng Chứng minh.
- c. Hội đồng Trị sự.
- d. Ban Trị sự Tỉnh, Thành hội.

Câu 04: Giáo hội Phật giáo Việt Nam được thành lập trên cơ sở hợp nhất tự nguyện của bao nhiêu tổ chức, Hệ phái Phật giáo?

- a. 07 tổ chức, Hệ phái Phật giáo.
- b. 08 tổ chức, Hệ phái Phật giáo.
- c. 09 tổ chức, Hệ phái Phật giáo.
- d. 10 tổ chức, Hệ phái Phật giáo.

Câu 05: Mục đích của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) là gì?

- a. Hoằng dương Phật pháp, phát triển GHPGVN ở trong nước, tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho đất nước.
- b. Hoằng dương Phật pháp, phát triển GHPGVN ở trong nước và nước ngoài, tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho thế giới.
- c. Hoằng dương Phật pháp, phát triển GHPGVN ở trong nước và nước ngoài, tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho đất nước.
- d. Hoằng dương Phật pháp, phát triển GHPGVN ở nước ngoài, tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, phục vụ dân tộc, góp phần xây dựng hòa bình, an lạc cho thế giới.